

Số: 588 /QĐ-ĐHN

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-ĐHNT ngày 24/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học, liên thông và bằng hai;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm đào tạo và Bồi dưỡng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ vừa làm vừa học cho 140 sinh viên các ngành, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

TT	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	18
2	Kế toán	95
3	Tài chính – Ngân hàng	27
Tổng cộng		140

Điều 2. Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, ĐTBĐ.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Pi Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

(Theo Quyết định số: 588./QĐ-DHNT ngày 02 tháng 06 năm 2019)

1. Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	16DT0120	Trần Tấn Anh	08/04/1990	Cần Thơ	TB Khá	CT16CDT
2	16DT0111	Bùi Tuấn Anh	18/07/1997	Cần Thơ	TB Khá	CT16CDT
3	16DT0115	Đỗ Thành Đạt	24/12/1996	Cần Thơ	TB Khá	CT16CDT
4	16DT0100	Kiều Tiến Đời	24/10/1988	Cần Thơ	TB Khá	CT16CDT
5	16DT0112	Lương Minh Đức	05/04/1976	Thái Bình	TB Khá	CT16CDT
6	16DT0101	Phạm Hoàng Hải	12/01/1994	Cần Thơ	TB Khá	CT16CDT
7	16DT0114	Nguyễn Chí Hải	09/12/1996	Cần Thơ	TB Khá	CT16CDT
8	16DT0102	Võ Văn Hiếu	02/08/1991	Kiên Giang	TB Khá	CT16CDT
9	16DT0103	Võ Quốc Nam	09/06/1993	Sóc Trăng	TB Khá	CT16CDT
10	16DT0118	Trần Minh Nhật	01/05/1996	Đồng Tháp	Khá	CT16CDT
11	16DT0104	Đặng Văn Sang	26/12/1985	Nam Định	TB Khá	CT16CDT
12	16DT0113	Nguyễn Văn Sin	20/11/1996	Đồng Tháp	TB Khá	CT16CDT
13	16DT0110	Nguyễn Đăng Thành	20/06/1983	Phú Thọ	Khá	CT16CDT
14	16DT0105	Võ Minh Thuyết	03/08/1994	Cần Thơ	Khá	CT16CDT
15	16DT0106	Hà Minh Tiến	05/03/1994	Cần Thơ	Khá	CT16CDT
16	16DT0107	Đặng Thành Trung	06/10/1995	Trà Vinh	Khá	CT16CDT
17	16DT0119	Lâm Nhật Trường	11/12/1995	Cần Thơ	TB Khá	CT16CDT
18	16DT0117	Phạm Quốc Việt	05/09/1996	Cần Thơ	TB Khá	CT16CDT

Danh sách gồm 18 sinh viên.

2. Ngành: Kế toán

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	KT15DN0104	Nguyễn Thành Cường	20/12/1993	Kon Tum	TB Khá	KT15DNT
2	KT15DN0105	Trần Ngọc Diễm	23/06/1991	Kon Tum	TB Khá	KT15DNT
3	KT15DN0107	Thái Thị Mỹ Duyên	15/03/1994	Kon Tum	TB Khá	KT15DNT
4	KT15DN0108	Nguyễn Thị Hà	28/08/1985	Kon Tum	TB Khá	KT15DNT
5	KT15DN0110	Phan Đức Hiếu	11/06/1991	Gia Lai	TB Khá	KT15DNT
6	KT15DN0112	Nguyễn Thị Huyền	01/06/1993	Kon Tum	TB Khá	KT15DNT
7	KT15DN0113	Trần Thị Lan	20/08/1985	Thanh Hóa	TB Khá	KT15DNT
8	KT15DN0114	Nguyễn Thị Nhung	26/02/1991	Nghệ An	TB Khá	KT15DNT
9	KT15DN0116	Đinh Thị Lan Phương	10/12/1985	Quảng Bình	TB Khá	KT15DNT
10	KT15DN0119	Nguyễn Đình Thắng	13/09/1991	Nghệ An	Trung bình	KT15DNT
11	KT15DN0118	Trần Thị Thanh	04/01/1991	Hà Tĩnh	TB Khá	KT15DNT
12	KT15DN0121	Vũ Thị Thêm	16/06/1990	Đắk Lắk	TB Khá	KT15DNT
13	KT15DN0126	Thái Thành Trung	24/07/1992	Bình Định	Trung bình	KT15DNT
14	KT15DN0127	Phan Kim Việt	25/08/1993	Kon Tum	TB Khá	KT15DNT
15	KT15DN0128	Trần Công Việt	29/10/1993	Kon Tum	TB Khá	KT15DNT
16	KT15DN0129	Phan Thị Khánh Vy	28/10/1994	Kon Tum	Trung bình	KT15DNT
17	KT15DN0130	Trần Thị Y	29/11/1992	Thanh Hóa	Trung bình	KT15DNT
18	14DN0636	Đồng Quang Hiệp	12/02/1982	Kon Tum	Trung bình	KT14TDN
19	14DN0684	Hồ Quốc Nam	19/01/1984	Kon Tum	TB Khá	KT14TDN
20	HU16DN0100	Nguyễn Ngọc Tịnh An	07/05/1982	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
21	HU16DN0102	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	27/07/1982	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
22	HU16DN0103	Trần Thị Bảo Anh	16/09/1980	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN

ruk

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
23	HU16DN0104	Trịnh Ngọc	Anh	21/02/1990	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
24	HU16DN0105	Bùi Thị Phương	Ánh	02/10/1989	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
25	HU16DN0151	Trương Tuấn	Anh	10/01/1992	Quảng Bình	Khá	HU16TDN
26	HU16DN0106	Trần Thanh	Bình	02/09/1973	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
27	HU16DN0149	Nguyễn Hữu	Cảnh	29/10/1968	Hà Nội	Khá	HU16TDN
28	HU16DN0143	Nguyễn Thị Phương	Chi	22/07/1987	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
29	HU16DN0108	Trương Thị Quỳnh	Diễm	02/02/1994	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
30	HU16DN0154	Trần Thị Mỹ	Duyên	13/12/1985	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
31	HU16DN0146	Hoàng Thị	Duyến	25/12/1976	Quảng Bình	TB Khá	HU16TDN
32	HU16DN0139	Phan Hữu	Hải	06/11/1987	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
33	HU16DN0157	Phan Ngọc	Hải	22/09/1986	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
34	HU16DN0155	Nguyễn Thị	Hiền	20/10/1982	Quảng Trị	Khá	HU16TDN
35	HU16DN0159	Đỗ Thị Tâm	Hiếu	17/05/1988	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
36	HU16DN0110	Trần Thị Thanh	Hoa	19/08/1983	Thanh Hoá	Khá	HU16TDN
37	HU16DN0111	Phạm Thị Như	Hoàng	05/11/1982	Hà Tĩnh	Khá	HU16TDN
38	HU16DN0145	Hà Huy	Hoàng	12/08/1994	Đồng Nai	TB Khá	HU16TDN
39	HU16DN0112	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/07/1977	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
40	HU16DN0113	Nguyễn Hữu	Hương	10/07/1987	Thanh Hoá	Khá	HU16TDN
41	HU16DN0130	Nguyễn Thị Thu	Hương	15/04/1984	Hà Tĩnh	Khá	HU16TDN
42	HU16DN0147	Đỗ Thị	Huyền	01/09/1979	Thanh Hóa	Khá	HU16TDN
43	HU16DN0114	Hoàng Thị Ngọc	Khánh	02/04/1983	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
44	HU16DN0138	Nguyễn Thị	Lệ	26/03/1990	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU16TDN
45	HU16DN0152	Đậu Thị Vũ	Linh	04/09/1996	Lâm Đồng	Khá	HU16TDN
46	HU16DN0131	Nguyễn Thị Kim	Loan	06/10/1983	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
47	HU16DN0115	Phan Thị Tuyết	Ly	16/01/1989	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU16TDN
48	HU16DN0156	Lê Văn	Mẫn	18/07/1976	Thái Bình	Khá	HU16TDN
49	HU16DN0116	Đặng Thị Phu	Mi	22/11/1985	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
50	HU16DN0117	Nguyễn Thị Thanh	Mộng	25/11/1995	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
51	HU16DN0132	Đặng Thị	Na	24/02/1985	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
52	HU16DN0141	Trần Thị Kim	Ngân	20/03/1987	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
53	HU16DN0118	Lê Thị Bích	Nhi	01/06/1983	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
54	HU16DN0119	Võ Thị Hoàng	Oanh	04/09/1990	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU16TDN
55	HU16DN0120	Văn Thị	Phương	04/03/1995	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
56	HU16DN0133	Lê Thị	Quyên	07/03/1991	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
57	HU16DN0142	Lê Thị Thanh	Tâm	30/10/1989	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
58	HU16DN0122	Đoàn Thị	Thanh	23/12/1982	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
59	HU16DN0123	Hoàng Diên	Thành	11/10/1984	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
60	HU16DN0124	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/05/1983	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
61	HU16DN0158	Đặng Nguyễn Thanh	Thảo	05/05/1984	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
62	HU16DN0125	Lê Thị	Thôi	16/11/1980	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
63	HU16DN0126	Trần Thị Hoài	Thu	12/10/1976	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
64	HU16DN0127	Nguyễn Hữu	Thuận	08/07/1987	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
65	HU16DN0137	Nguyễn Quang	Toàn	23/03/1985	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN

VA
JNC
HỌ
RAN

26

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
66	HU16DN0134	Trương Nguyễn Thùy	Trang	02/05/1973	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
67	HU16DN0150	Nguyễn Chí	Tự	19/11/1991	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
68	HU16DN0136	Võ Thị	Tuyết	29/04/1987	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
69	HU16DN0153	Trương Công	Vũ	05/01/1974	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
70	HU16DN0128	Trần Thị Thanh	Yến	29/10/1977	Thừa Thiên Huế	Khá	HU16TDN
71	13DN0081	Phan Thị Uyên	Phương	05/10/1987	Ninh Thuận	Trung bình	PR13TDN
72	13DN0299	Nguyễn Thị Kiều	Trang	11/11/1993	Trà Vinh	Trung bình	CT13DN1
73	14DN0919	Lê Tấn	Đạt	12/05/1987	Cần Thơ	TB Khá	CT14TDN
74	14DN0920	Lê Tấn	Đạt	29/04/1989	Cà Mau	TB Khá	CT14TDN
75	14DN0950	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	03/10/1989	Trà Vinh	TB Khá	CT14TDN
76	14DN0986	Nguyễn Tường	Vi	25/10/1993	Vĩnh Long	TB Khá	CT14TDN
77	CT15DN0102	Phạm Văn	Bình	16/10/1976	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
78	CT15DN0107	Nguyễn Thị Hồng	Loan	11/06/1989	Vĩnh Long	TB Khá	CT215DNT
79	CT15DN0108	Nguyễn Thanh	Lòng	13/06/1983	Sóc Trăng	TB Khá	CT215DNT
80	CT15DN0110	Phạm Thị Tổ	Nga	20/04/1990	Sóc Trăng	TB Khá	CT215DNT
81	CT15DN0111	Tăng Hồ Bảo	Ngọc	03/03/1982	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
82	CT15DN0112	Trần Thị Minh	Nhân	25/01/1987	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
83	CT15DN0114	Trần Hiền	Nhơn	18/03/1988	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
84	CT15DN0116	Đoàn Thị	Nương	17/03/1988	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
85	CT15DN0119	Nguyễn Hồng	Thái	10/10/1984	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
86	CT15DN0134	Phạm Thị	Thắm	14/11/1988	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
87	CT15DN0122	Đỗ Xuân	Tiến	04/11/1992	Hậu Giang	TB Khá	CT215DNT
88	CT15DN0135	Nguyễn Thị Bích	Tiên	15/07/1984	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
89	CT15DN0124	Trương Thị Thùy	Trang	17/09/1991	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
90	CT15DN0125	Nguyễn Thị Mộng	Trình	01/01/1993	Hậu Giang	TB Khá	CT215DNT
91	CT15DN0126	Võ Minh	Trung	07/02/1990	Cần Thơ	Trung bình	CT215DNT
92	CT15DN0127	Huỳnh Hoàng	Tú	16/07/1991	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
93	CT15DN0129	Huỳnh Thị Mộng	Tuyền	02/09/1987	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
94	CT15DN0130	Nguyễn Ánh	Tuyết	15/04/1992	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
95	CT15DN0132	Nguyễn Quang	Vinh	07/12/1991	Tiền Giang	TB Khá	CT215DNT

Danh sách gồm 95 sinh viên.

3. Ngành: Tài chính - Ngân hàng

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	KT16B2102	Nguyễn Văn	Chung	20/04/1979	Quảng Ngãi	Khá	KT17B2TC
2	KT16B2100	Đỗ Phú	Cường	24/07/1980	Kon Tum	Khá	KT17B2TC
3	KT16B2103	Nguyễn Thị Mộng	Hằng	10/10/1977	Thừa Thiên Huế	Khá	KT17B2TC
4	KT16B2104	Hồ Thị	Hoa	26/08/1983	Kon Tum	Khá	KT17B2TC
5	KT16B2101	A	Hoàng	29/10/1978	Kon Tum	Khá	KT17B2TC
6	KT16B2106	Đào Kim	Huệ	26/07/1978	Kon Tum	Khá	KT17B2TC
7	KT16B2108	Nguyễn Duy	Hưng	14/10/1980	Bình Định	Giỏi	KT17B2TC
8	KT16B2107	Nông Văn	Hùng	10/05/1980	Cao Bằng	Khá	KT17B2TC
9	KT16B2109	Hoàng Trọng	Khâm	22/09/1987	Kon Tum	TB Khá	KT17B2TC
10	KT16B2110	Trương Xuân	Kháng	10/05/1978	Quảng Trị	TB Khá	KT17B2TC

nh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
11	KT16B2111	Trần Thị Thúy	Lân	03/02/1985	Ninh Bình	TB Khá	KT17B2TC
12	KT16B2113	Dương Thị Hương	Mai	04/01/1971	Nam Định	Khá	KT17B2TC
13	KT16B2114	Trịnh Đình	Minh	10/09/1973	Bình Định	Giỏi	KT17B2TC
14	KT16B2115	Võ Thị Kiều	Oanh	01/09/1971	Phú Thọ	Khá	KT17B2TC
15	KT16B2118	Trương Văn	Tân	18/10/1975	Hà Tĩnh	Khá	KT17B2TC
16	KT16B2119	Phan Đình	Tân	01/12/1978	Quảng Ngãi	Khá	KT17B2TC
17	KT16B2120	Ngô Duy	Thái	17/06/1983	Thanh Hóa	TB Khá	KT17B2TC
18	KT16B2121	Bùi Thị Thanh	Thảo	05/03/1984	Kon Tum	Khá	KT17B2TC
19	KT16B2122	Lê	Thịnh	03/09/1972	Kon Tum	Khá	KT17B2TC
20	KT16B2133	Hồ Đắc	Thông	24/07/1979	Hà Nội	TB Khá	KT17B2TC
21	KT16B2123	Huỳnh Nguyễn Cát	Tiên	11/08/1984	Kon Tum	Khá	KT17B2TC
22	KT16B2130	Nguyễn Văn	Toán	05/03/1975	Hà Nội	Khá	KT17B2TC
23	KT16B2125	Đinh Văn	Trung	25/08/1974	Nghệ An	Khá	KT17B2TC
24	KT16B2132	Nguyễn Bá	Tứ	05/06/1988	Hà Tĩnh	TB Khá	KT17B2TC
25	KT16B2129	Nghiêm Minh	Tuấn	24/04/1977	Kon Tum	Khá	KT17B2TC
26	KT16B2126	Võ Phong	Vĩ	10/02/1978	Kon Tum	TB Khá	KT17B2TC
27	KT16B2127	Hà Thụy	Vy	05/04/1982	Kon Tum	Khá	KT17B2TC

Danh sách gồm 27 sinh viên.

Handwritten signature

Red stamp